TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN P** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 90/2022/HS-ST
Ngày: 08-12-2022

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Trí T.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đào Đức G.

Ông Đỗ Quang H.

- **Thư ký phiên toà:** Bà Nguyễn Thị Lê M - Cán bộ Toà án nhân dân huyện P, thành phố Hà Nội.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, thành phố Hà Nội** tham gia phiên toà: Ông Bùi Quốc T1 - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 86/2022/TLST-HS ngày 18 tháng 11 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 87/2022/HSST-QĐ ngày 25/11/2022 đối với các bị cáo:

1. Trần Văn N, sinh năm 2001; Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và nơi ở: thôn Đ, xã H, huyện P, thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: lao động tự do; Trình độ văn hoá: 8/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam ; Tôn giáo: Không; Vợ, con : chưa có; Con ông: Trần Văn P và bà Phạm Thị N1; Tiền án, tiền sự: Không ; Nhân thân : Bản án số 05/2018/HS-ST ngày 09/02/2018 của Toà án nhân dân huyện T, thành phố Hà Nội xử phạt Trần Văn N 24 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời hạn thử thách 48 tháng về tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ", ngày 09/02/2022 N chấp hành xong thời hạn thử thách, đã đóng án phí. Tại thời điểm phạm tội bị can dưới 18 tuổi, phạm tội rất nghiêm trọng do vô ý nên được coi là không có án tích theo quy định tại Điều 107 Bộ luật hình sự.

Theo danh chỉ bản số 252 lập ngày 20/10/2022 tại Công an huyện P và lý lịch bị can phản ánh); Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/9/2022 đến ngày 14/9/2022 được huỷ bỏ biện pháp tạm giữ, hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú(có mặt).

2. Nguyễn Từ H1, sinh năm 1993; Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và nơi ở: thôn Đ, xã H, huyện P, thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: lao động tự do; Trình độ văn hoá: 8/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam ; Tôn giáo: Không; Vợ, con: chưa có; Con ông: Nguyễn Văn B và bà Dương Thị H2; Tiền án, tiền sự: Không ; Nhân thân :

+ Bản án hình sự sơ thẩm số 06/2011/HSST ngày 21/01/2011 của Toà án nhân dân huyện P xử phạt H1 08 năm tù về tội "Cướp tài sản", ngoài ra buộc H1 phải bồi thường cho chị Nguyễn Thị L 500.000 đồng, anh Nguyễn Văn L1 600.000 đồng truy thu sung công quỹ 3.400.000 đồng, ngoài ra còn phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 200.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. H1 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, bản án hình sự phúc thẩm số 446/2011/HSPT ngày 31/3/2011 của Toà án nhân dân thành phố Hà Nội giảm hình phạt từ 08 năm tù xuống 07 năm tù đối với H1 về tội "Cướp tài sản". Ngày 20/4/2011, H1 đã nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm, 200.000 đồng dân sự sơ thẩm và 3.400.000 đồng tiền truy thu sung công quỹ, đối với số tiền H1 phải bồi thường cho chị Nguyễn Thị L 500.000 đồng, anh Nguyễn Văn L1 600.000 đồng, chị L, anh L1 không có đơn yêu cầu thi hành án, đến thời điểm hiện tại đã hết thời hiệu yêu cầu thi hành án. Ngày 27/5/2015, H1 chấp hành xong hình phạt, đã được xoá án tích.

+ Bản án hình sự sơ thẩm số 14/2018/HSST ngày 16/4/2018 của Toà án nhân dân huyện P, thành phố Hà Nội xử phạt 30 tháng tù về tội "Gây rối trật tự công cộng", ngoài ra còn buộc H1 phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Ngày 17/5/2020 chấp hành xong hình phạt, đã đóng án phí, đã được xoá án tích.

(Theo danh chỉ bản số 251 lập ngày 20/10/2022 tại Công an huyện P và lý lịch bị can phản ánh); Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/9/2022 đến ngày 14/9/2022 được huỷ bỏ biện pháp tạm giữ, hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú(có mặt).

Người bị hại: Anh Nguyễn Hồng S, sinh năm 2001 ; HKTT : Thôn L, xã P1, huyện P, TP Hà Nội (Vắng mặt).

Người liên quan: Anh Nguyễn Thành N2, sinh năm 1996, HKTT : Thôn T, xã H, huyện P, TP Hà Nội (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ ngày 04/9/2022, Trần **Văn N**- SN 2001- ở thôn Đ, xã H, huyện P, Hà Nội cùng nhóm bạn là Nguyễn Hồng S- SN 2001- ở thôn L, xã P, huyện P, Hà Nội; Nguyễn Văn P- SN 1997, Nguyễn Quang L1- SN 2001 cùng trú tại xóm C, xã H, huyện P, Hà Nội; Nguyễn Đức B- SN 2001 và Nguyễn Thị Bích N3- SN 2003 (vợ Biên) ở xóm B, xã H, huyện P, Hà Nội ngồi cùng bàn ăn cỗ cưới tại nhà anh Dương Minh K- SN 2000 - ở xóm G, xã H, huyện P, Hà Nội.

Sau khi ăn uống xong, cả nhóm rủ nhau ra quán "Thu Thuỷ" ở xóm B, xã H để uống nước. S, P, L1, B, N3 là những người đứng dậy đi ra khỏi bàn trước, N là người đi ra sau cùng. Khi chuẩn bị đứng dậy thì N phát hiện S để quên chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 12 màu xanh nước biển có ốp nhựa trong suốt màu trắng bên trong gắn thẻ sim điện thoại số 0364120991 ở ghế bên cạnh chỗ S ngồi lúc trước nên nhặt đút vào túi quần rồi đi ra khỏi đám cưới. S, L1, B, N3 đi ra khỏi đám cưới khoảng 200m thì S phát hiện để quên điện thoại nên điều khiển xe quay lại thì gặp N đi ra khỏi rạp cưới, S hỏi N có nhặt được điện thoại không thì cho S xin lại nhưng N nói không nhặt được rồi nhờ P chở đến nhà Nguyễn Từ H1- SN 1993 ở gần đó. Khi đến nơi, N bảo P dừng lại cách nhà H1 một đoạn rồi đi vào phòng ngủ của H1 thì không thấy ai, N để chiếc điện thoại Iphone 12 vừa mới nhặt được của S dưới chiếu và dùng màn đậy lên rồi đi ra bảo P chở đến quán nước. Lúc này S, L1, B, N3 quay vào trong rạp cưới tìm và hỏi một số người phục vụ dọn cỗ nhưng không thấy điện thoại, nên có mượn điện thoại của một người không quen biết gọi vào số điện thoại của mình thì thấy vẫn có chuông nhưng không ai nhấc máy. S nhờ người thông báo trên loa đám cưới xem có ai nhặt được điện thoại Iphone 12 của mình không và nhờ L1 gọi điện thoại cho P hỏi P và N có nhặt được điện thoại thì cho S xin lại nhưng P và N đều bảo không nhặt được.

Sau khi thấy L1 gọi điện thoại thì P chở N quay lại rạp cưới cùng với mọi người tìm điện thoại giúp S nhưng không tìm được. Tại đây, một lần nữa S lại hỏi N có nhặt được điện thoại hay đùa không thì cho S xin lại, nhưng N nói không nhặt được điện thoại của S. Sau đó, S, B, N3, P và N đi ra cửa hàng điện máy xanh ở khu vực xã H để tìm vị trí điện thoại Iphone 12 nhưng do S không bật chế độ tìm kiếm nên không tìm được nên cả nhóm giải tán, P và N đi ra phố T2, xã T1, huyện T, Hà Nội uống nước còn S đi về nhà mình. Trên đường đi về, S gặp Nguyễn Thành N2- SN 1996- ở thôn T, xã H, huyện P, Hà Nội đang đi bộ ở gần cửa hàng sửa điện thoại "*Thành Nhân*" thì nói với N2 là "*Anh N2 ơi chiều tối thằng N nó mà ra bán máy ở anh thì anh gọi cho anh Thành H hộ em*" thì N2 chỉ gật đầu mà không nói gì.

Khoảng 19 giờ cùng ngày, N nói với H1 về chuyện nhặt được điện thoại của S tại đám cưới, S đã hỏi xin lại nhưng N không trả thì cả hai bàn bạc nhắn tin để yêu cầu S chuộc điện thoại. N và H1 dùng điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 của H1 bên trong có tài khoản Facebook "*Yeu Them Be*" nhắn tin đến tài khoản Facebook "*Nguyễn Hồng S*" của S để yêu cầu S chuộc điện thoại bằng cách chuyển 3.000.000 đồng vào số tài khoản 32306101993 của Nguyễn Từ H1 mở tại ngân hàng VP Bank nhưng S không đồng ý chuyển khoản mà trực tiếp giao nhận bằng tiền mặt. N và H1 không đồng ý việc giao nhận tiền mặt và thông báo cho S biết nếu S không chuyển khoản thì sẽ không trả lại máy. Sau khi S không đồng ý chuyển khoản và nhiều lần xin lại máy điện thoại và hậu tạ tiền uống nước thì N và S bàn bạc nhau sẽ bán máy điện thoại để lấy tiền tiêu sài. N gọi điện thoại cho Nguyễn Thành N2- là chủ cửa hàng điện thoại Thành Nhân ở thôn C, xã H, huyện P, Hà Nội hỏi N2 có mua điện thoại bị dính mật

khẩu và icloud không thì N2 bảo mang điện thoại ra quán xem. Sau khi N và H1 mang điện thoại đến quán, N2 xem máy và đồng ý mua máy điện thoại Iphone 12 nêu trên với giá 2.500.000 đồng, thanh toán bằng cách đưa cho N 1.500.000 đồng tiền mặt và chuyển 1.000.000 đồng vào số tài khoản 32306101993 của H1 mở tại ngân hàng VP Bank. Sau khi nhận được tiền, H1 chuyển khoản trả nợ Nguyễn Sơn T- SN 1992- ở phòng 103 Đ4, tập thể T, phường T1, quận Đ, Hà Nội, còn N trả nợ Nguyễn Văn K - SN 1995- ở thôn N1, xã N, huyện T, Hà Nội số tiền 1.400.000 đồng. Sau khi biết tin hành vi của mình đã bị anh S tố giác đến cơ quan công an, ngày 05/9/2022 N và H1đến công an xã H, huyện, Hà Nội đầu thú. Nguyễn Thành N2 tự nguyện giao nộp 01 điện thoại Iphone 12 màu xanh có dung lượng bộ nhớ 128gb- là tang vật của vụ án cho cơ quan công an.

Tại Cơ quan CSĐT Trần Văn N, Nguyễn Từ H1 thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội, khi nhặt được điện thoại của anh S bỏ quên, N không có ý định trả lại nên khi Sơn hỏi thì Nhật bảo không nhặt được. Huy biết Nhật nhặt được điện thoại của S, bản thân H1 cùng N bàn bạc với nhau và nhắn tin yêu cầu anh S đưa 3.000.000 đồng để chuộc điện thoại, quá trình trao đổi anh S đã nhiều lần xin lại điện thoại nhưng N, H1 không đồng ý với cách thức của S nên đã mang điện thoại đi bán cho N2 được 2.500.000 đồng lấy tiền trả nợ như đã nêu trên.

Bản kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 52/KL-HĐĐGTS ngày 05/9/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện P kết luận: 01 điện thoại Iphone 12 có dung lượng 128 gb, màu xanh dương đã qua sử dụng từ năm 2021 có giá trị tại thời điểm tháng 09/2022 là 11.000.000 đồng; 01 sim điện thoại Viettel có giá 20.000 đồng; 01 ốp nhựa có giá 50.000 đồng, tổng 11.070.000 đồng.

Về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng: Ngày 19/9/2022, Cơ quan cảnh sát điều tra- Công an huyện P đã trả lại 01 chiếc điện thoại Iphone 12 màu xanh có dung lượng bộ nhớ 128gb cho anh Nguyễn Hồng S, anh S nhận lại tài sản, không có yêu cầu về trách nhiệm dân sự và đề nghị giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho N, H1.

Anh Nguyễn Thành N2 yêu cầu N, H1 phải hoàn trả lại số tiền 2.500.000 đồng anh đã đưa cho N, H1 khi bán điện thoại.

Ngày 12/10/2022, Trần Văn N và Nguyễn Từ H1 đã tự nguyện nộp vào Cơ quan thi hành án dân sự huyện P số tiền 2.500.000 đồng để bảo đảm việc thi hành án.

* Vật chứng còn thu giữ: 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 6 Plus màu vàng cũ đã qua sử dụng, dung lượng bộ nhớ 64gb, IMEI 359249062631122.

Tại phiên toà:

Các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã khai tại cơ quan điều tra.Các bị cáo thừa nhận nội dung bản cáo trạng truy tố đúng với hành vi các bị cáo đã thực hiện. Các bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, tỏ ra hối hận và đề nghị Tòa xem xét, giảm nhẹ hình phạt.

Bản cáo trạng số 82/CT-VKS ngày 16/11/2022, VKSND huyện P truy tố Trần Văn N về tội "Chiếm giữ trái phép tài sản" theo khoản 1 Điều 176 BLHS; truy tố bị cáo Nguyễn Từ H1 về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo khoản 1 Điều 323 BLHS

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát huyện P giữ quyền công tố luận tội và tranh luận giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị: xử phạt Trần Văn N từ 09 tháng đến 12 tháng tù về tội "Chiếm giữ trái phép tài sản"; xử phạt Nguyễn Từ H1 từ 06 tháng đến 09 tháng tù về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có". Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền với các bị cáo; Về vật chứng: Tịch thu phát mại sung quỹ Nhà nước: 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone màu vàng cũ đã qua sử dụng, dung lượng bộ nhớ 64gb, có số IMEI 359249062631122. Về bồi thường dân sự: Buộc các bị cáo phải trả lại cho anh Nguyễn Thành N2 số tiền 2.500.000 đồng (đã nộp tại cơ quan thi hành án dân sự ngày 12/10/2022). Về án phí : Buộc mỗi bị cáo phải nộp án phí HSST 200.000 đồng và án phí DSST 300.000 đồng.

Lời nói sau cùng các bị cáo Trần Văn N, Nguyễn Từ H1 thành khẩn nhận tội, hứa sẽ sửa chữa, đề nghị Tòa khoan hồng, giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện P, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện P, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Xét lời khai của các bị cáo tại phiên toà phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với biên bản tiếp nhận người phạm tội ra đầu thú, lời khai của người tham gia tố tụng khác và các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập hợp lệ, đủ cơ sở kết luận: Khoảng 11 giờ ngày 04/9/2022, tại đám cưới anh Dương Minh K ở xóm G, xã H, huyện P, Hà Nội, Trần Văn N đã cầm lấy chiếc điện thoại Iphone 12 màu xanh dương có giá trị 11.070.000 đồng của anh Nguyễn Hồng S đang để trên bàn khi anh S rời đi. Do có mục đích chiếm đoạt chiếc điện thoại trên nên mặc dù anh S đã nhiều lần xin lại N, nhưng N không đồng ý. Khoảng 19 giờ ngày 04/9/2022, N nói với Nguyễn Từ H1 về việc mình nhặt được điện thoại của anh S, H1 cùng N bàn bạc và nhắn tin yêu cầu S chuyển 3.000.000 đồng vào tài khoản 32306101993 của H1 mở tại ngân hàng VP Bank để chuộc lại điện thoại nhưng anh S muốn gặp trực tiếp để đưa tiền. Quá trình nhắn tin, anh S đã nhiều lần xin lại điện thoại nhưng N và H1 không đồng ý trả lại điện thoại. Sau đó H1 và N mang chiếc điện thoại nêu trên bán cho

anh Nguyễn Thành N2 với giá 2.500.000 đồng trong đó N được hưởng 1.500.000 đồng, còn H1 được hưởng 1.000.000 đồng, số tiền này N và H1 đã dùng để trả nợ hết.

Đối chiếu quy định của pháp luật, hành vi của N đã phạm tội "Chiếm giữ trái phép tài sản" được quy định tại khoản 1 Điều 176 BLHS; hành vi của H1 đã phạm tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" được quy định tại khoản 1 Điều 323 BLHS. Viện kiểm sát nhân dân huyện P truy tố các bị cáo ra xét xử theo tội danh và điều luật đã viện dẫn là có căn cứ, đúng pháp luật.

Xét hành vi của các bị cáo là nghiêm trọng và nguy hiểm cho xã hội, không chỉ xâm phạm về quyền sở hữu về tài sản được pháp luật bảo vệ mà còn gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an ở địa phương, gây tâm lý hoang mang, nghi kỵ, bức xúc trong nhân dân. Các bị cáo không chịu lao động làm ăn lương thiện mà lại kiếm tiền bằng cách chiếm đoạt tài sản của người khác.

Do tính chất nghiêm trọng của vụ án, để kịp thời đấu tranh phòng chống tội phạm, cần thiết phải xử lý các bị cáo bằng pháp luật hình sự, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian đủ để các bị cáo thấm thía với tội lỗi của mình mà trở về con đường lương thiện, đồng thời cũng là để làm gương cho những kẻ khác.

Về vai trò của từng bị cáo: Bị cáo N trực tiếp chiếm đoạt tài sản, sau đó cùng bị cáo H1 bán tài sản nên có vai trò cao hơn bị cáo H1.

Về nhân thân: Các bị cáo đều có nhân thân xấu.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không bị áp dụng.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã khai báo thành khẩn và tỏ ra ăn năn hối cải, do đó cần cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS. Các bị cáo đều tự nguyện giao nộp số tiền do phạm tội mà có để khắc phục hậu quả nên cho hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm b khoản 1 Điều 51 BLHS. Người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo nên cho các bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS. Khi lượng hình, có thể giảm nhẹ một phần hình phạt chứng tỏ sự nhân đạo của pháp luật để các bị cáo yên tâm cải tạo, sớm trở thành người có ích cho xã hội, thể hiện chính sách khoan hồng theo nguyên tắc xử lý của pháp luật hình sự.

Về hình phạt bổ sung là phạt tiền: Xét các bị cáo không có nghề nghiệp thu nhập ổn định nên không áp dụng.

Về bồi thường dân sự: Anh Nguyễn Hồng S đã nhận lại chiếc điện thoại và không có yêu cầu về bồi thường dân sự nên không xét. Các bị cáo phải bồi thường cho anh Nguyễn Thành N2 số tiền 2.500.000 đồng (N đã nộp 1.500.000 đồng, H1 đã nộp 1.000.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P).

Đối với Nguyễn Thành N2 mua điện thoại Iphone 12 của N và H1 nhưng không biết rõ chiếc điện thoại các bị cáo có được do phạm tội nên cơ quan điều tra không xem xét xử lý là có căn cứ.

Nguyễn Văn K, Nguyễn Sơn T được N, H1 trả 1.400.000 đồng và 1.000.000 đồng nhưng không biết số tiền nêu trên có được do phạm tội nên cơ quan điều tra không xem xét xử lý là có căn cứ.

Nguyễn Văn P chở N vào nhà H1 để N cất giấu điện thoại nhưng không biết N nhặt được điện thoại của S, không được hưởng lợi gì từ N nên cơ quan điều tra không xem xét xử lý là có căn cứ.

[3]. Về vật chứng: Nguyễn Từ H1 sử dụng chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 6 plus làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu phát mại sung quỹ Nhà nước.

[4]. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định của pháp luật.

[5]. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người tham gia tố tụng khác có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Trần Văn N phạm tội "Chiếm giữ trái phép tài sản", bị cáo Nguyễn Từ H1 phạm tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có"

Áp dụng khoản 1 Điều 176; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự :

Phạt: Bị cáo **Trần Văn N 10 (Mười) tháng tù**, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ 09 ngày, từ ngày 05/9/2022 đến ngày 14/9/2022.

Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự :

Phạt: Bị cáo **Nguyễn Từ H1 09 (Chín) tháng tù**, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ 09 ngày, từ ngày 05/9/2022 đến ngày 14/9/2022.

2. Về bồi thường dân sự: Căn cứ Điều 584, Điều 587 và Điều 589 BLDS; Điều 48 BLHS: Các bị cáo Trần Văn N và Nguyễn Từ H1 phải liên đới bồi thường cho anh Nguyễn Thành N2 số tiền 2.500.000 đồng. Xác nhận bị cáo Trần Văn N đã nộp số tiền 1.500.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P theo biên lai số AA/2020/0036534 ngày 12/10/2022 và bị cáo Nguyễn Từ H1 đã nộp số tiền 1.000.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P theo biên lai số AA/2020/0036535 ngày 12/10/2022. Anh Nguyễn Thành N2 được nhận lại số tiền trên.

3. Về vật chứng: Căn cứ điều 106 BLTTHS; Điều 47 BLHS:

- Tịch thu phát mại sung quỹ Nhà nước: 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone màu vàng cũ đã qua sử dunjh,dung lượng bộ nhớ 64gb, có số IMEI 359249062631122.

(Vật chứng hiện đang lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 21/11/2022)

4. Về án phí: Áp dụng Điều 136 - BLTTHS và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016:

Mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí HSST.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, 333 BLTTHS:

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại, liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt bản án hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện P;
- Công an huyện P;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện P;
- Các bị cáo; Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ vụ án;

Nguyễn Trí T